

Bản án số: 463/2024/DS-PT

Ngày: 28-12-2024

V/v tranh chấp đòi bồi thường thiệt hại ngoài
hợp đồng về tài sản bị xâm phạm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Phương

Ông Nguyễn Trọng Quế

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Xuân Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Từ Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 383/2024/TLPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc: “Đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản bị xâm phạm”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 209/2024/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 301/2024/QĐ-PT ngày 28 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Tuyết N. Sinh năm: 1957 (vắng).

Địa chỉ: Khóm I, thị trấn T, huyện T, Cà Mau.

Bị đơn: Ông Trần Văn Đ. Sinh năm: 1956 và bà Nguyễn Thị Thu B. Sinh năm: 1956 (vắng).

Cùng địa chỉ: Khóm G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Trần Văn T. Sinh năm: 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm G, thị trấn T, huyện T, Cà Mau.

Người kháng cáo: Anh Trần Văn T, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Tuyết N trình bày:

Trước đây bà có chuyển nhượng của ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thu B phần đất diện tích 251,9 m², thuộc thửa số 863, tờ bản đồ 05, đất tọa lạc tại khóm G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2006, đến năm 2022 ông Đ và bà B vẫn chưa giao đất cho bà nên tranh chấp và khởi kiện ra Tòa án, kết quả hòa giải thành tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 286/2022/QĐST-DS, ngày 29/9/2022, bà tự nguyện hỗ trợ tháo dỡ di dời nhà là 70.000.000 đồng. Tuy nhiên, quyết định đã được thi hành án, ông Đ, bà N di dời nhà và giao đất xong, sau đó ông Đ, bà B lại tiếp tục đưa cơ giới đến để cuộc lấy cát trên phần đất của bà chiều sâu khoảng 0,7 mét, khối lượng khoảng 300 khối, bà phát hiện và không đồng ý có yêu cầu đến Ủy ban nhân dân thị trấn Trần Văn T1, buộc ông Đ và bà B phải khắc phục lại tình trạng ban đầu lúc thi hành án giao đất cho bà nhưng ông Đ và bà B không đồng ý và còn cho rằng phần cát trước đây ông Đ san lấp nên cuộc lấy lại, từ đó dẫn đến tiếp tục tranh chấp. Cát hiện nay với giá 330.000.000 đồng/01 khối, với 300 khối, tương đương 99.000.000 đồng, bà yêu cầu ông Đ, bà B trả cho bà số tiền 99.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà N thống nhất kết quả định giá ngày 18/6/2024 với khối lượng cát lấy đi bằng 28.995.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Thu B trình bày:

Trước đây bà và ông Đ có chuyển nhượng cho bà Trần Tuyết N nền nhà đất, không có cát lấp nền nhà, phần cát này là do con bà là T san lấp cát nhà cho ở. Sau đó phát sinh tranh chấp được Tòa án giải quyết và ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, gia đình bà đồng ý giao lại cho bà N nền nhà mà bà và ông Đ chuyển nhượng cho bà N.

Sau khi thi hành án lập biên bản giao nền nhà cho bà N thì T con bà có thuê xáng múc cát ở nền nhà mà con bà san lấp trước đây. Đối với yêu cầu của bà N yêu cầu bồi thường số tiền 99.000.000 đồng bà không đồng ý. Do điều kiện đi lại khó khăn bà đề nghị Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng vắng mặt bà, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà ở các phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm.

Anh Trần Văn T trình bày:

Trước đây cha mẹ anh có cầm cố cho bà Trần Tuyết N phần đất. Sau đó để làm tin nên bà N mới yêu cầu cha mẹ anh ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để làm tin, tất cả các thủ tục sang tên là do bà N làm; sau đó xảy ra tranh chấp, giữa cha mẹ anh với bà N thỏa thuận được Tòa án ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận các bên.

Sau khi cha mẹ anh dỡ nhà giao đất lại cho bà N thì anh T có múc cát tại nền nhà, khối lượng cát khoảng 30 hay 40 khối, phần cát này là do anh san lấp, khi cha

mẹ cố đất là không có cát san lấp nền nhà mà chỉ có nền đất, cha mẹ không có lấy cát mà là do anh lấy cát. Phần cát anh múc để đắp lên phần đất khác của ông Đ, bà B.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 209/2024/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Tuyết N. Buộc ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thu B và Trần Văn T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Tuyết N số tiền 28.995.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 06/8/2024, anh Trần Văn T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Tuyết N.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh T giữ nguyên nội dung kháng cáo; căn cứ kháng cáo: năm 2015, anh T san lấp cát để xây cất nhà ở cùng cha mẹ là ông Đ, bà B; thời điểm C quyết định giao nền nhà cho bà N, anh T không có ở nhà nên anh không lấy lại cát, sau đó vài ngày mới đưa cơ giới vào múc lại cát.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của anh T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của anh Trần Văn T nộp trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Căn cứ Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 286/2022/QĐST-DS, ngày 29/9/2022, có nội dung: ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thu B thống nhất tháo dỡ, di dời các tài sản có trên đất, trả lại phần đất đã chuyển nhượng cho bà N có diện tích 251,9m² tọa lạc khóm G, thị trấn T, huyện T do bà Trần Tuyết N đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (chính lý biến động); bà N hỗ trợ chi phí tháo dỡ, di dời cho ông Đ, bà B số tiền 70.000.000 đồng.

Sau khi giao nền nhà thì anh T (con ông Đ bà B, ở cùng nhà) đưa cơ giới cuộc lấy cát trên đất; sau đó khoảng 02 ngày bà N phát hiện nên gửi đơn đến chính quyền địa phương.

Các đương sự không có ý kiến phản đối kết quả định giá về giá trị cát với số tiền 28.995.000 đồng, cấp sơ thẩm căn cứ kết quả định giá này làm cơ sở giải quyết vụ án là đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo, anh T yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ khởi kiện của nguyên đơn

Theo như bà B trình bày, cát do anh T san lấp để xây cát nhà ở cùng bà B ông Đ, cho nên khoảng 02 ngày sau khi Chi cục Thi hành án dân sự huyện giao nền nhà cho bà N thì anh T múc lấy lại cát. Hội đồng xét xử nhận thấy, theo như bản án và quyết định có hiệu lực pháp luật thì quyền sử dụng đất diện tích 251,9m² tọa lạc khóm 7, thị trấn T do vợ chồng bà B sang bán cho bà N, bà N đứng tên Giấy chứng nhận từ năm 2006, do bà B không tự nguyện giao nền nhà nên năm 2022 bà N khởi kiện; tại Tòa án, hai bên thỏa thuận thành, buộc gia đình bà B tháo dỡ, di dời tài sản có trên đất, trả lại phần đất cho bà N. Năm 2022, bà N khởi kiện, tại Tòa án các bên đương sự không đề cập đến việc múc cát nền nhà và tại thời điểm Chi cục Thi hành án huyện thi hànhC quyết định thì phía gia đình anh T cũng không đặt ra việc lấy cát nền nhà; cát được san lấp năm 2015 tính đến nay gần 10 năm, thì phần cát đã gắn kết với đất nền nhà, việc đưa cơ giới vào mức độ sâu 0,7m sẽ mất đi giá trị và thay đổi hiện trạng nền nhà, sẽ ảnh hưởng đến phần đất nền nhà; mặt khác, khi bà B giao trả nền nhà thì bà N đã hỗ trợ 70.000.000 đồng, trong khi đó bà N đứng tên Giấy chứng nhận từ năm 2006 đến nay gần 20 năm gia đình anh T sử dụng đất; qua đó, cho thấy sau khi bà B, ông Đ giao phần đất, việc anh T đưa cơ giới cuốc lấy cát trên nền nhà là xâm phạm đến tài sản của bà N. Vì vậy, bản án sơ thẩm tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N là phù hợp; do đó, kháng cáo của anh T không được chấp nhận.

[4] Từ nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Văn T về yêu cầu bác toàn bộ khởi kiện của bà N; giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[5] Án phí phúc thẩm anh T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Văn T; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 209/2024/DS-ST ngày 22/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Tuyết N đối với ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thu B và Trần Văn T. Buộc ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị

Thu B và anh Trần Văn T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Tuyết N số tiền 28.995.000 đồng (*Hai mươi tám triệu, chín trăm chín mươi lăm ngàn đồng*).

2. Chi phí phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị Thu B, ông Trần Văn Đ, anh Trần Văn T trả lại cho bà Trần Tuyết N số tiền 600.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành xong thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu B, ông Trần Văn Đ được miễn. Trần Văn T phải chịu 483.000 đồng (chưa nộp).

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng; anh Trần Văn T đã dự nộp 300.000 đồng tại Biên lai số 0005453 ngày 07/8/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn ThờC được chuyển thu án phí.

5. Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Cà Mau;
- TAND huyện Trần Văn Thờ;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thờ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền

